

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.

※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 예방접종의 실시기준 및 방법 [별지 제1호 서식]

■ Tiêu chuẩn và phương pháp thực hiện tiêm chủng [Mẫu đính kèm số 1]

예방접종 예진표

PHIẾU CHẨN ĐOÁN SƠ BỘ TIÊM CHỦNG

안전한 예방접종을 위하여 아래의 질문사항을 잘 읽어보시고, 본인(법정대리인, 보호자) 확인란에 기록하여 주시기 바랍니다.
Để đảm bảo tiêm chủng an toàn, vui lòng đọc kỹ các câu hỏi bên dưới và điền vào phần xác nhận của bản thân
(người đại diện theo pháp luật, người giám hộ).

성명 Họ tên		주민등록번호 Số chứng minh thư Hàn	- -	(□남 □여) (□Nam □Nữ)
실제 생년월일 Năm, tháng, ngày sinh thực tế		외국인 등록번호 Số đăng ký người nước ngoài	- -	(□남 □여) (□Nam □Nữ)
전화번호 Số điện thoại	(집) (Nhà)	(휴대전화) (Di động)	체중 Cân nặng	kg kg

예방접종 업무를 위한 개인정보 처리 등에 대한 동의사항 Nội dung đồng ý xử lý thông tin cá nhân cho mục đích chủng ngừa		본인(법정대리인, 보호자) 확인 ☒ Xác nhận của bản thân (người đại diện theo pháp luật, người giám hộ)
<p>‘감염병의 예방 및 관리에 관한 법률’ 제32조 및 동법 시행령 제32조의3에 따라 주민등록번호 등 개인정보 및 민감정보를 수집하고 있습니다. 추가적으로 수집되는 항목은 아래와 같습니다.</p> <p>Theo Điều 32 “Luật Phòng ngừa và kiểm soát bệnh truyền nhiễm” và Điều 32-3 Nghị định hướng dẫn Luật này, thông tin cá nhân như số chứng minh thư Hàn, v.v. và thông tin nhạy cảm sẽ được thu thập. Các hạng mục được thu thập bổ sung như sau.</p> <p>■ 개인정보 수집 · 이용 목적: 필수예방접종의 다음접종 및 완료 여부, 예방접종 후 이상반응 발생 여부관련 알림 서비스를 문자 및 모바일앱으로 제공</p> <p>■ Mục đích thu thập và sử dụng thông tin cá nhân: Cung cấp dịch vụ thông báo qua tin nhắn văn bản và ứng dụng di động về lần tiêm chủng bắt buộc tiếp theo và việc đã hoàn thành chủng ngừa hay chưa cũng như phản ứng bất thường có thể xảy ra sau khi tiêm chủng</p> <p>■ 개인정보 수집 · 이용 항목: 개인정보(민감정보, 주민등록번호 포함), 전화번호(집/휴대전화)</p> <p>■ Hạng mục thu thập và sử dụng thông tin cá nhân: Thông tin cá nhân (bao gồm thông tin nhạy cảm, số chứng minh thư Hàn), số điện thoại (điện thoại nhà/di động)</p> <p>■ 개인정보 보유 및 이용기간: 5년</p> <p>■ Thời gian lưu trữ và sử dụng thông tin cá nhân: 5 năm</p>		
<p>예방접종을 하기 전에 피접종자의 예방접종 내역을 예방접종통합관리시스템으로 사전 확인하는 것에 동의합니다.</p> <p>Tôi đồng ý việc xác nhận trước thông tin chủng ngừa của người được tiêm chủng bằng Hệ thống quản lý tiêm chủng trước khi tiêm chủng.</p> <p>* 예방접종 내역의 사전확인에 동의하지 않는 경우, 불필요한 추가접종 또는 교차접종이 발생할 수 있습니다.</p> <p>* Nếu không đồng ý việc xác nhận trước các thông tin tiêm chủng, có thể phát sinh tiêm chủng bổ sung hoặc tiêm chủng chéo không cần thiết.</p>		☐ 예 ☐ 아니오 ☐ Có ☐ Không
<p>필수예방접종의 다음접종 및 완료 여부에 관한 정보를 휴대전화 문자 및 모바일앱으로 수신하는 것에 동의합니다.</p> <p>Tôi đồng ý nhận thông báo qua tin nhắn văn bản và ứng dụng di động về lần tiêm chủng bắt buộc tiếp theo và việc đã hoàn thành chủng ngừa hay chưa</p> <p>* 알림 수신에 동의하지 않는 경우, 동의하지 않은 항목에 대한 정보를 수신하실 수 없습니다.</p> <p>* Nếu không đồng ý nhận thông báo, ông/bà sẽ không nhận được thông tin về các mục không đồng ý.</p>		☐ 예 ☐ 아니오 ☐ Có ☐ Không
<p>예방접종 후 이상반응 발생 여부와 관련된 알림을 문자 및 모바일앱으로 수신하는 것에 동의합니다.</p> <p>Tôi đồng ý nhận thông báo qua tin nhắn văn bản và ứng dụng di động về các phản ứng bất thường có thể xảy ra sau khi tiêm chủng</p> <p>* 알림 수신에 동의하지 않는 경우, 동의하지 않은 항목에 대한 정보를 수신하실 수 없습니다.</p> <p>* Nếu không đồng ý nhận thông báo, ông/bà sẽ không nhận được thông tin về các mục không đồng ý.</p>		☐ 예 ☐ 아니오 ☐ Có ☐ Không
접종 대상자에 대한 확인사항 Nội dung xác nhận đối với người thuộc đối tượng tiêm chủng		본인(법정대리인, 보호자) 확인 ☒ Xác nhận của bản thân (người đại diện theo pháp luật, người giám hộ)

